

E9: UNIT 8 VOCABULARY CHECK

1. (n) ngành du lịch :	1.
2. quyết định(V) :	2.
3. (v) thu hẹp:	3.
4. đi tua, đi chơi	4.
5. chuyển đi trọn gói	5.
6. thích, say mê	6.
7. đi tham quan	7.
8. (v) mô tả, hình dung	8.
9. (adj) râm nắng	9.
10. (n) đặc sản	10.
11. Đó ko phải thứ tôi thích	11.
12. (v) trêu chọc	12.
13. (n) chỗ ở	13.
14. (n) hành lý	14.
15. trước	15.
16. (n) hành trình, thám hiểm.	16.
17. sự mệt mỏi do lệch múi giờ:	17.
18. hạn chế	18.
19. mùa cao điểm (du lịch)	19.
20. sự đỗ lại, dừng lại	20.
21. quầy làm thủ tục	21.
22. tai nạn liên hoàn	22.
23. tình trạng lộn xộn, cuộc ẩu đả	23.
24. việc hạ cánh	24.
25. việc thuê phòng bao gồm ăn uống trong khách sạn	25.
26. việc ngừng lại	26.
27. kem đánh răng	27.
28. trận mưa, lượng mưa	28.
29. khách qua đường	29.
30. việc trả phòng ksạn	30.

